

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
(V/v: Bổ nhiệm Chủ nhiệm công trình)

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất;
- Theo hợp đồng số 05/2020/HĐ/FDL-CODECO ký kết giữa Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất với Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lải.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm Ông Phạm Minh Tuấn làm chủ nhiệm gói thầu: *Khảo sát địa chất; Thiết kế bản vẽ thi công phương án chống sạt lở và xử lý lún; khoan phụt thử và thi công khoan phụt xử lý nền 03 căn (F3.9; E1.2; F1.2). DA: KĐT sinh thái Flamingo Đại Lải Resort. Địa điểm: xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc.*

Điều 2: Chủ nhiệm công trình chịu trách nhiệm toàn bộ trước Công ty và trước Pháp luật của Nhà nước về việc thực hiện và hoàn thành công trình (có quyền mua vật tư, thiết bị, thuê nhân công,...)

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, hết hiệu lực sau khi kết thúc công trình và hoàn thành các thủ tục thanh quyết toán theo qui định của Nhà nước. Các bộ phận chức năng và cán bộ có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP Công ty.



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
(V/v: Thành lập tổ khảo sát địa hình)

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất;
- Theo hợp đồng số 05/2020/HĐ/FDL-CODECO ký kết giữa Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất với Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lải.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập tổ khảo sát địa hình gồm chủ nhiệm và các tổ trưởng các tổ để thực hiện công trình: *Khảo sát địa chất; Thiết kế bản vẽ thi công phương án chống sạt lở và xử lý lún; khoan phục thí và thi công khoan phục xử lý nền 03 căn (F3.9; E1.2; F1.2).*
ĐA: KĐT sinh thái Flamingo Đại Lải Resort. Địa điểm: xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Chủ nhiệm công trình và các tổ trưởng tổ viên chịu trách nhiệm toàn bộ trước Công ty và trước Pháp luật của Nhà nước về việc thực hiện và hoàn thành công trình (có quyền mua vật tư, thiết bị, thuê nhân công,...)

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, hết hiệu lực sau khi kết thúc công trình và hoàn thành các thủ tục thanh quyết toán theo qui định của Nhà nước. Các bộ phận chức năng và cán bộ có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP Công ty.



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên

DANH SÁCH CÁN BỘ THAM GIA THỰC HIỆN

Tên công trình: Khảo sát địa chất; Thiết kế bản vẽ thi công phương án chống sạt lở và xử lý lún; khoan phụt thử và thi công khoan phụt xử lý nền 03 căn (F3.9; E1.2; F1.2).

DA: KĐT sinh thái Flamingo Đại Lải Resort. Địa điểm: xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc.

TT	Tên	Chức danh bố trí trong gói thầu	Địa điểm làm việc
1	Phạm Minh Tuấn	Chủ nhiệm dự án	Công ty
			Thực địa
2	Nguyễn Văn Hùng	Tổ trưởng tổ 1/ Cán bộ kỹ thuật	Công ty
			Thực địa
3	Trần Hữu Diện	Tổ trưởng tổ 2/ Cán bộ kỹ thuật	Công ty
			Thực địa
4	Nguyễn Văn Linh	Nhân viên	Thực địa
5	Nguyễn Tiến Hưng	Nhân viên	Thực địa
6	Nguyễn Văn Thương	Nhân viên	Thực địa
7	Nguyễn Văn Toán	Nhân viên	Thực địa
8	Nguyễn Văn Phương	Nhân viên	Thực địa
9	Nguyễn Thế Tinh	Nhân viên	Thực địa
10	Doãn Huy Lừng	Nhân viên	Thực địa
11	Nguyễn Văn Bình	Nhân viên	Thực địa
12	Doãn Tất Dũng	Nhân viên	Thực địa
13	Nguyễn Bá Bình	Nhân viên	Thực địa
14	Phùng Đình Thơm	Nhân viên	Thực địa
15	Lê Xuân Hải	Nhân viên	Thực địa



HỢP ĐỒNG

Số: 05./2020/HĐ/FDL-CODECO

**Gói thầu: Khảo sát địa chất; Thiết kế bản vẽ thi công phương án chống sạt lở và xử lý lún;
khoan phụt thử và thi công khoan phụt xử lý nền 03 căn (F3.9; E1.2; F1.2)**

Dự án: Khu đô thị sinh thái Flamingo Đại Lải Resort

Địa điểm: Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HẠC ĐẠI LẢI

và

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA
CHẤT (CODECO)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 05.../2020/HĐ/FDL-CODECO

Gói thầu: Khảo sát địa chất; Thiết kế bản vẽ thi công phương án chống sạt lở và xử lý lún; khoan phụt thử và thi công khoan phụt xử lý nền 03 căn (F3.9; E1.2; F1.2)

Dự án: Khu đô thị sinh thái Flamingo Đại Lải Resort

Địa điểm: Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HẠC ĐẠI LẢI

và

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ
VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT (CODECO)**

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ năng lực, nhu cầu và thỏa thuận của các Bên.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 02 tháng 07 năm 2020 tại, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

Một Bên là:

BÊN GIAO THẦU (Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HẠC ĐẠI LÃI

Địa chỉ : Thôn Đại Quang, Xã Ngọc Thanh, Thành Phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Mã số thuế : 2500 369 889

Tài khoản số : 9925155555 mở tại Ngân hàng VP Bank

Đại diện : Ông **NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG**

Chức vụ : **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo ủy quyền số 40/UQ-FDL ngày 31/12/2019 của Tổng Giám đốc)

và Bên kia là:

BÊN NHẬN THẦU (Bên B): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT (CODECO)

Địa chỉ : Số 36, ngõ 30 Phố Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 0243.755.0428 fax: 0243.755.0428

Mã số thuế : 0101074336

Tài khoản số : 111000037499 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Nam Thăng Long, Hà Nội

Đại diện : Ông **TRẦN ĐÌNH KIÊN**

Chức vụ : Giám đốc

Sau khi trao đổi, thỏa thuận, thống nhất, các Bên cùng thống nhất ký Hợp Đồng

gói thầu: Khảo sát địa chất; Thiết kế bản vẽ thi công phương án chống sạt lở và xử lý lún; khoan phụt thử và thi công khoan phụt xử lý nền 03 căn (F3.9; E1.2; F1.2) với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

1.1. Trong Hợp đồng này, trừ trường hợp ngữ cảnh có quy định khác, các từ và cụm từ được hiểu như sau:

1.1.1. “Bên thứ ba” là bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác mà không phải là Bên A và Bên B hoặc nhà thầu liên danh/nhà thầu phụ của Bên B tùy theo ngữ cảnh.

1.1.2. “Bản gốc” là tài liệu được ký trực tiếp bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp và được đóng dấu hợp lệ. Mọi trường hợp chữ ký phô tô, chữ ký điện tử, chữ ký theo mẫu dấu chữ ký khắc sẵn hoặc bất kỳ hình thức chữ ký nào không phải chữ ký trực tiếp, chính thức bởi người có thẩm quyền nêu trên đều không được coi là bản gốc.

1.1.3. “Công trình” là toàn bộ công trình, hạng mục công trình của Dự án mà Bên B thực hiện cho Bên A theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

1.1.4. “Chủ đầu tư” là Công ty Cổ Phần Hồng Hạc Đại Lải

1.2. “Ban quản lý Dự án Xây dựng Đại Lải” hoặc “BQLDA” là đơn vị được Chủ đầu tư thành lập để thay mặt Chủ đầu tư quản lý, điều hành thực hiện Dự án theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Chủ đầu tư phê duyệt.

1.2.1. “Nhà thầu” là Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và xây dựng Mỏ - Địa chất (CODECO)

1.2.2. “Dự án” là Dự án Khu du lịch sinh thái Đại Lải – Khu B

1.2.3. “Dịch vụ” là các nội dung, hạng mục công việc do Bên B cung cấp, thực hiện cho Bên A theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

1.2.4. “Hồ sơ thiết kế” bao gồm bản vẽ thiết kế, thuyết minh thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, quy trình bảo trì, dự toán chi tiết và các tài liệu có liên quan khác phục vụ cho việc thi công, xây dựng, lựa chọn nhà thầu và quản lý chi phí trong quá trình thi công Công trình.

1.2.5. “Hợp đồng” là Hợp đồng này và các phụ lục, hồ sơ, tài liệu liên quan khác được các Bên thống nhất tại từng thời điểm cụ thể được cấu thành là một phần của Hợp đồng này.

1.2.6. “Sản phẩm bàn giao” là các hồ sơ tài liệu do Bên B thực hiện và bàn giao cho Bên A và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xem xét, phê duyệt.

1.2.7. “Sản phẩm hoàn thành” là các hồ sơ tài liệu do Bên B thực hiện được Bên A,

và/hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm chấp thuận, phê duyệt và được Bên A nghiệm thu.

- 1.2.8. **“Văn bản quy phạm pháp luật”** là các văn bản pháp luật của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan theo quy định tại Luật ban hành Văn bản Quy phạm Pháp Luật được Quốc hội thông qua ngày 22/6/2015, được sửa đổi và bổ sung theo từng thời điểm.
- 1.2.9. **“Ngày”** được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
- 1.2.10. **“Ngày làm việc”** là ngày dương lịch, trừ: ngày thứ bảy, ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, nghỉ tết theo quy định của pháp luật.
- 1.2.11. **“Luật”** là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.2.12. **“Công trường”** là địa điểm Bên A giao cho Bên B để thi công công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được quy định trong Hợp đồng.
- 1.2.13. **“Thay đổi”** là sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá Hợp đồng hoặc tiến độ thi công khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

1.2. Diễn giải

- 1.2.1. Tên của Hợp đồng này chỉ để tiện tham khảo và không ảnh hưởng đến cấu trúc của Hợp đồng và phạm vi công việc mà Bên B phải thực hiện theo Hợp đồng này.
- 1.2.2. Trong trường hợp phát sinh mâu thuẫn giữa nội dung và tiêu đề của một điều khoản, nội dung của điều khoản sẽ được áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan đến phạm vi của điều khoản đó. Tiêu đề chỉ nhằm mục đích thuận tiện cho việc tra cứu và không làm ảnh hưởng đến việc diễn giải các mục hoặc các nội dung được quy định tại Hợp đồng này.
- 1.2.3. Các từ ngữ như “của Hợp đồng này”, “trong Hợp đồng này”, “theo Hợp đồng này” và các từ ngữ tương tự được sử dụng trong Hợp đồng này được hiểu là toàn bộ Hợp đồng, không phải chỉ đề cập đến một hay một số điều khoản cụ thể nào quy định trong Hợp đồng này.
- 1.2.4. Tham chiếu đến bất kỳ văn bản, văn kiện hoặc thỏa thuận nào đều bao gồm tất cả các (i) phụ lục, phụ mục, bảng biểu và các văn bản đính kèm khác; và (ii) văn bản, văn kiện, thỏa thuận đã ban hành hoặc đã được điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung vào từng thời điểm cụ thể trên cơ sở phù hợp với các điều khoản quy định và có hiệu lực vào ngày phát hành.

- 1.2.5. Tham chiếu đến bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính nào đều bao hàm tham chiếu đến bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản đó tại từng thời điểm cụ thể.
- 1.2.6. Tham chiếu đến bất kỳ Bên thứ ba nào đều bao hàm tham chiếu đến tổ chức/cá nhân/bên kế nhiệm hoặc tổ chức/cá nhân/bên được nhượng quyền hoặc tổ chức/cá nhân/bên được thụ hưởng từ Bên thứ ba đó phù hợp với quy định của Pháp luật, ngoại trừ những trường hợp ngoại lệ được quy định trong Hợp đồng này.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng

Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết Hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, các phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này (nếu có) và các tài liệu sau:

- 2.1.1. Thông báo trúng thầu/chỉ định thầu của Bên A (nếu có);
- 2.1.2. Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm Hợp đồng, gồm:
- (i) Tài liệu số 01: Phạm vi công việc gói thầu, tiến độ thực hiện và sản phẩm Hợp đồng;
 - (ii) Tài liệu số 02: Giá trị Hợp đồng;
 - (iii) Tài liệu số 03: Tiến độ thanh toán;
 - (iv) Tài liệu số 04: Lý lịch của nhân sự chủ chốt của Bên B.
 - (v) Các Tài liệu khác (nếu được ký kết bổ sung) trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- 2.1.3. Hồ sơ mời thầu/mời chào giá và các tài liệu, văn bản làm rõ Hồ sơ mời thầu/mời chào giá của Bên A;
- 2.1.4. Hồ sơ chào thầu/chào giá của Bên B và các tài liệu, văn bản làm rõ Hồ sơ chào thầu/chào giá của Bên B;
- 2.1.5. Các bảo lãnh (nếu có);
- 2.1.6. Đề xuất của Bên B được Bên A chấp thuận và tài liệu kèm theo (nếu có).

2.2. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu

Nguyên tắc những tài liệu cấu thành nên Hợp đồng là quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì các Bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Nếu có sự không rõ ràng hoặc khác biệt được tìm thấy trong các tài liệu, Bên A sẽ đưa ra những giải thích hoặc chỉ thị hoặc chỉ dẫn cần thiết cho Bên B và quyết định của Bên A sẽ là quyết định cuối cùng.

Điều 3. Khối lượng và Phạm vi công việc

3.1. Phạm vi công việc Hợp đồng:

- 3.1.1. Bên A giao và Bên B nhận thực hiện các công việc ***Khảo sát địa chất; Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán phương án chống sạt lở và xử lý lún; khoan phụt thử và thi công khoan phụt xử lý nền 03 căn (F3.9; E1.2; F1.2).*** Chi tiết Phạm công việc theo Tài liệu số 01 đính kèm Hợp đồng này.
- 3.1.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh và/hoặc thay đổi nội dung, phạm vi công việc hai Bên sẽ thỏa thuận, thống nhất bằng văn bản hoặc ký phụ lục bổ sung Hợp đồng.
- 3.1.3. Tại thời điểm mỗi hạng mục hoặc công việc được hoàn tất, Bên B tiếp tục triển khai các bước tiếp theo sau khi nhận được văn bản chấp thuận, phê duyệt của Bên A và/hoặc Biên bản nghiệm thu của Bên A đối với khối lượng công việc hoàn thành trong giai đoạn trước đó.
- 3.2. Trong trường hợp Bên A yêu cầu Bên B thực hiện các công việc khác, nằm ngoài phạm vi công việc của Hợp đồng quy định tại Điều này và Tài liệu số 01, các Bên sẽ thỏa thuận và ký kết các Bản sửa đổi/ Phụ lục bổ sung Hợp đồng để thực hiện công việc phát sinh đó.

Điều 4. Yêu cầu kỹ thuật, năng lực của Bên B và nghiệm thu

4.1. Yêu cầu về kỹ thuật

- 4.1.1. Sản phẩm hoàn thành do Bên B thực hiện phải đáp ứng các quy định hiện hành của pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành được áp dụng và đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Bên A và **“Đề cương Khảo sát – Khoan phụt - Nhiệm vụ thiết kế bản vẽ thi công”** do Bên B lập và Bên A, Chủ đầu tư phê duyệt.
- 4.1.2. Nội dung, số liệu khảo sát phản ánh chính xác điều kiện địa chất của Dự án, đảm bảo đầy đủ thông tin để tính toán phương án xử lý nền móng, thiết kế kết cấu công trình, lựa chọn biện pháp, giải pháp thi công đảm bảo an toàn cho các công trình của Dự án và các công trình lân cận.
- 4.1.3. Bên B phải đảm bảo công tác thiết kế, lập dự toán và các Sản phẩm hoàn thành của Bên B phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - (i) Đủ điều kiện và đảm bảo được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận quy hoạch, để Bên A [và/hoặc Chủ đầu tư] làm thủ tục xin thỏa thuận phòng cháy chữa cháy, thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy và đảm bảo cho việc thi công xây dựng Công trình.

- (ii) Phù hợp với quy hoạch, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, luật xây dựng, luật bảo vệ môi trường, các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của Bên A và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và đảm bảo hiệu quả kinh tế cho Chủ đầu tư.
 - (iii) Tính toán số liệu chính xác hợp lý đáp ứng nhu cầu quản lý chi phí trong quá trình xây dựng Công trình.
 - (iv) Tuân theo các quy định của Cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch bao gồm nhưng không giới hạn quy định về khoảng lùi so với đường chỉ giới xây dựng như mức thủy triều dâng cao, tim đường hoặc các quy định tương tự như “khu vực chỉ dành riêng cho cảnh quan”.
- 4.1.4. Trong quá trình thực hiện Dịch vụ nếu Bên B phát hiện bất kỳ sai sót hay khác biệt nào giữa các yêu cầu của Bên A, thì Bên B phải thông báo ngay cho Bên A trước khi tiến hành các công việc tiếp theo và đề nghị Bên A làm rõ trước khi thực hiện.
- 4.1.5. Bên B phải lập hệ thống đảm bảo chất lượng, quy trình tổ chức thi công xây dựng phù hợp với quy mô Công trình và các yêu cầu chi tiết được nêu trong Hợp đồng, Hồ sơ thiết kế và quy định pháp luật hiện hành. Bên A và TVGS có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào trong hệ thống này.
- 4.1.6. Chi tiết, trình tự và tài liệu chứng minh sự phù hợp của hệ thống đó phải được trình lên Bên A và TVGS để thông báo trước khi thi công. Bất kỳ tài liệu mang tính chất kỹ thuật nào được gửi cho Bên A, TVGS các bằng chứng về việc chính Bên B đã phê duyệt trước khi gửi phải được thể hiện rõ ràng trong tài liệu.
- 4.1.7. Việc chấp hành đúng hệ thống bảo đảm chất lượng không miễn giảm cho Bên B khỏi các nhiệm vụ, nghĩa vụ và trách nhiệm theo Hợp đồng.
- 4.1.8. Công trình phải được thi công theo Hồ sơ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận), các Chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật trong hồ sơ mời thầu, biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A phê duyệt, hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các yêu cầu kỹ thuật riêng do Bên A quy định được TVGS và Bên B chấp thuận áp dụng cho Dự án và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của pháp luật có liên quan. Bên B phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.
- 4.1.9. Bên B phải cung cấp cho Bên A các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành, các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng

thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định pháp luật hiện hành và được Bên A, BQLDA phê duyệt trước khi thí nghiệm.

- 4.1.10. Bên B đảm bảo vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng và theo yêu cầu của Bên A.
- 4.1.11. Việc chấp hành đúng hệ thống bảo đảm chất lượng đối với Sản phẩm được cung cấp và thi công theo Hợp đồng này không miễn giảm cho Bên B khỏi các nhiệm vụ, nghĩa vụ và trách nhiệm theo Hợp đồng.

4.2. Về năng lực và nhân sự của Bên B

- 4.2.1. Bên B có đủ điều kiện năng lực và chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật để thực hiện Dịch vụ và phải cung cấp cho Bên A bản sao có chứng thực Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật.
- 4.2.2. Nhân sự của Bên B phải có trình độ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp với nghề nghiệp, công việc của họ và đủ năng lực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 4.2.3. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi bất cứ nhân sự nào tham gia thực hiện Hợp đồng nếu người đó có thái độ sai trái, thiếu cẩn thận, thiếu năng lực hoặc không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng, các quy định của pháp luật, yêu cầu hợp lý của Bên A hoặc có các hành vi gây phương hại đến an toàn, sức khỏe, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự... Trong trường hợp này, Bên B sẽ thay đổi nhân sự ngay lập tức theo yêu cầu của Bên A và tự chịu mọi chi phí cho việc thay thế nhân sự này. Bên B có trách nhiệm thông báo đến Bên A về việc thay đổi kèm theo lý lịch và hồ sơ năng lực của nhân sự này trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày bổ nhiệm nhân sự mới.
- 4.2.4. Thông tin chi tiết về lý lịch và danh sách nhân sự chủ chốt của Bên B theo Tài liệu số 04 đính kèm Hợp đồng này.

4.3. Nghiệm thu

- 4.3.1. Sau khi nhận được Sản phẩm bàn giao của Bên B, Bên A sẽ kiểm tra xem xét, phê duyệt và phản hồi trong thời gian phù hợp. Bên A sẽ phát hành Biên bản nghiệm thu; hoặc văn bản không đồng ý nghiệm thu kèm theo danh sách các hạng mục còn thiếu mà Bên A có căn cứ cho rằng nghĩa vụ Bên B phải hoàn thành theo quy định của Hợp đồng. Bên B sẽ tiến hành triển khai bổ sung các hạng mục còn thiếu bằng chi phí của Bên B. Tuy nhiên, đối với các hạng mục công việc phải được sự chấp thuận, phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm

quyền và/hoặc phải được sự kiểm tra, xem xét của Bên thứ ba thì Sản phẩm bàn giao chỉ được Bên A nghiệm thu sau khi có văn bản chấp thuận của các cơ quan này.

- 4.3.2. Bên B phải chờ ý kiến xác nhận từ Bên A về các Sản phẩm bàn giao, nếu Bên A chưa đưa ra được ý kiến của mình thì Bên B sẽ không thực hiện các bước tiếp theo.
- 4.3.3. Việc nghiệm thu, phê duyệt của Bên A chỉ nhằm phục vụ cho việc thanh toán, quyết toán, thanh lý hợp đồng giữa Bên A và Bên B. Bên B vẫn phải chịu mọi trách nhiệm về chất lượng và quyền sở hữu trí tuệ đối với Sản phẩm hoàn thành. Bên B không được viện dẫn lý do đã được Bên A nghiệm thu, để trốn tránh, từ chối thực hiện nghĩa vụ của mình đối với các sai sót.
- 4.3.4. Bên A sẽ nghiệm thu khối lượng công việc mà Bên B đã hoàn thành theo Hợp đồng. Công việc do Bên B thực hiện sẽ tuân thủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. Tuy nhiên, bất kỳ xác nhận phê duyệt hoặc nghiệm thu của Bên A sẽ không làm loại trừ hay giảm nhẹ trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của Bên B trong việc thực hiện các hạng mục công việc khác không thuộc hạng mục đang chờ nghiệm thu theo như quy định trong Hợp đồng.
- 4.3.5. Nếu Bên A phát hiện Hồ sơ thiết kế của Bên B có các lỗi, bỏ sót, không nhất quán hoặc không phù hợp với Hợp đồng, Bên B phải chịu mọi chi phí cho việc thiết kế bổ sung hoặc sửa đổi các lỗi này cũng như sửa chữa các sai sót đối với các Công trình hoặc phần Công trình mà Đơn vị thi công đã thực hiện theo đúng thiết kế, kể cả trường hợp Bên A đã chấp thuận đã phê duyệt các Hồ sơ thiết kế này.
- 4.3.6. Trong quá trình thẩm tra/kiểm tra Hồ sơ thiết kế theo từng giai đoạn của Bên B, nếu Bên A phát hiện và có căn cứ cho rằng thiết kế không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình thi công gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên A và/hoặc gây khó khăn cho quá trình thi công và/hoặc gây ảnh hưởng đến tiến độ của Dự án, thì Bên B phải chịu mức phạt theo quy định tại Khoản 16.2 Điều 16 Hợp đồng này. Bên A sẽ lập Biên bản nêu rõ các lỗi kỹ thuật của Bên B, Bên B có trách nhiệm ký xác nhận vào Biên bản này, trừ trường hợp Bên B chứng minh được các lỗi kỹ thuật này không phải do lỗi của mình gây ra. Nếu sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản mà Bên B không ký vào biên bản này, Bên A mặc nhiên hiểu rằng Bên B đã đồng ý với các nội dung được nêu trong biên bản làm việc và Bên B không được đưa

ra bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến vấn đề này.

4.4. Trách nhiệm của Bên B đối với các sai sót do mình gây ra

4.4.1. Chi phí cho việc sửa chữa các sai sót:

Bằng kinh phí của mình, Bên B có trách nhiệm sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Bên A.

4.4.2. Không sửa chữa được sai sót:

- (i) Nếu Bên B không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian do Bên A yêu cầu, Bên A có thể ấn định thêm ngày để sửa chữa; hoặc
- (ii) Bên A có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê đơn vị khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí cho việc sửa chữa này, Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa này nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với phạm vi Dịch vụ theo Hợp đồng.
- (iii) Nếu sai sót hoặc hư hỏng ảnh hưởng đến tiến độ công việc hoặc tiến độ xây dựng gây thiệt hại cho Bên A, Bên B có trách nhiệm chịu phạt vi phạm theo quy định tại Điều 16 Hợp đồng này và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này hoặc quy định của pháp luật.

Điều 5. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

5.1. Chi tiết tiến độ thực hiện Hợp đồng theo **Tài liệu số 01** đính kèm Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi nội dung, khối lượng công việc thì hai Bên sẽ thỏa thuận điều chỉnh lại thời gian cho phù hợp.

5.2. Trường hợp phải tạm ngưng Hợp đồng do yêu cầu của Bên A thì thời gian này sẽ được tính gia hạn vào thời hạn Hợp đồng. Khi có yêu cầu tạm ngừng công việc của Bên A, Bên B phải ngay lập tức tạm ngưng công việc và giảm thiểu tối đa chi phí trừ các công việc đang thực hiện dang dở và không thể ngừng được theo yêu cầu của Bên A. Trường hợp Bên A yêu cầu ngừng công việc do lỗi của Bên B thì thời gian này vẫn tính vào thời hạn Hợp đồng.

5.3. Gia hạn Thời gian hoàn thành:

Bên B được phép đề nghị Bên A xem xét gia hạn thời gian hoàn thành nếu trong quá trình Bên B cung cấp Dịch vụ gặp trở ngại do một trong những lý do sau đây:

5.3.1. Có sự thay đổi phạm vi công việc, quy mô dự án theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

5.3.2. Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, giông bão cấp 5 (dựa trên thông báo của Bên khí tượng) lũ, lụt, sóng thần, hoả

hoạn, dịch hoạ hoặc các sự kiện bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật, hay các chỉ thị, yêu cầu tạm dừng bằng văn bản của các cơ quan quản lý nhà nước.

- 5.3.3. Do Bên A, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chậm trễ trong việc phê duyệt các đề trình của Bên B mà không phải do lỗi từ Bên B.

Khi xảy ra các lý do nêu trên, Bên B phải cung cấp hồ sơ chứng minh và phải có văn bản trình Bên A xác nhận để làm cơ sở đề nghị gia hạn thời gian hoàn thành.

Điều 6. Giá trị Hợp đồng và tiến độ thanh toán

- 6.1. **Giá trị Hợp đồng trọn gói:** là **544.870.000 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).**

Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn./.

- 6.2. **Chi tiết giá trị Hợp đồng:** theo Tài liệu số 02 kèm theo Hợp đồng này.
6.3. **Loại Hợp đồng:** Trọn gói
6.4. **Tiến độ thanh toán:** Theo nội dung Tài liệu số 03 đính kèm Hợp đồng này.

Điều 7. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng và bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng

- 7.1. **Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng:** [Không áp dụng]

- 7.2. **Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng:**

- 7.2.1. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng này được ký kết, Bên B phải nộp cho Bên A bản gốc chứng thư bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng (không hủy ngang, vô điều kiện, thanh toán ngay khi có yêu cầu của Bên A) có giá trị bảo lãnh tương đương giá trị Khoản tiền tạm ứng trước khi Bên A thực hiện việc tạm ứng.

- 7.2.2. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng sẽ được khấu trừ hết khi Quyết toán. Giá trị bảo lãnh có giá trị tương đương 30% giá trị Hợp đồng.

- 7.3. **Hình thức bảo lãnh:** Bên B phải xuất trình cho Bên A bảo lãnh tạm ứng không hủy ngang, vô điều kiện, thanh toán ngay khi có yêu cầu của Bên A; được lập tại một ngân hàng uy tín và được phép hoạt động tại Việt Nam và nội dung phải được Bên A chấp thuận trước khi phát hành, với giá trị bằng giá trị yêu cầu tại mục 7.2.2. Thời hạn của bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng Hợp đồng là 60 ngày kể từ ngày phát hành.

- 7.4. Nếu các bảo lãnh của Bên B hết hạn nhưng Bên B vẫn phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì Bên B có trách nhiệm gia hạn bảo lãnh trước 15 ngày làm việc so với ngày hết hạn bảo lãnh, mỗi lần gia hạn không ít hơn 30 ngày kể từ ngày hết

hạn bảo lãnh. Nếu Bên B không gia hạn bảo lãnh theo quy định này thì được coi là vi phạm hợp đồng và Bên A có quyền thu hồi bảo lãnh ngay lập tức, khi đó Bên A sẽ không thanh toán các khoản đề nghị tiếp theo của Bên B cho đến khi Bên B thực hiện nghĩa vụ của mình.

7.5. Duy trì giá trị bảo lãnh.

7.5.1. Trong trường hợp Bên A yêu cầu Ngân hàng phát hành bảo lãnh giải ngân một phần hoặc toàn bộ các bảo lãnh trên đây để bù đắp cho những thiệt hại mà Bên B gây ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng thì Bên B sau đó có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp cần thiết để duy trì giá trị của các loại bảo lãnh theo như giá trị đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.

7.5.2. Trong trường hợp Hai Bên có thỏa thuận thống nhất điều chỉnh Giá trị Hợp đồng (điều chỉnh tăng thêm), vào thời điểm Hai Bên ký các văn bản để điều chỉnh Giá trị Hợp đồng Bên B có trách nhiệm bổ sung giá trị bảo lãnh thực hiện Hợp đồng cho Bên A theo thỏa thuận được thống nhất giữa Hai Bên. Nếu Bên B muốn thực hiện việc tạm ứng cho phần điều chỉnh tăng thêm của Giá trị Hợp đồng thì Bên B phải bổ sung cho Bên A Chứng thư bảo lãnh tạm ứng có giá trị tương đương với giá trị Bên B đề nghị tạm ứng thêm.

Điều 8. Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp:

8.1. Bên B sẽ tự mua duy trì bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp trên cơ sở giá trị bảo hiểm đủ khả năng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho Bên B trên cơ sở các điều khoản và điều kiện bảo hiểm được Bên A chấp nhận. Số tiền bảo hiểm tối thiểu bằng giá trị Hợp đồng này.

8.2. Bên B sẽ bồi thường cho Bên A hoặc bất kỳ Bên thứ ba nào đối với thiệt hại thuộc trách nhiệm của Bên B mà không được bên bảo hiểm chi trả.

8.3. Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của Bên B phải duy trì hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng và cho đến khi hết thời hạn bảo hành các Công trình mà Bên B thiết kế theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

8.4. Bên B, bằng chi phí của mình, phải tự thực hiện các nghĩa vụ pháp lý đối với nhân sự của mình, bao gồm các nghĩa vụ về bảo hiểm bồi thường lao động thích hợp, các điều khoản về nghỉ lễ, nghỉ phép và các thỏa thuận khác, quyền lợi và lợi ích theo quy định của các Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

8.5. Bên B phải cung cấp bản sao hợp đồng bảo hiểm, chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho Bên A ngay sau khi hai Bên ký kết Hợp đồng này.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác đã quy định trong các điều khoản khác của Hợp đồng, Bên A còn có quyền và nghĩa vụ như sau:

- 9.1. Khi xét thấy cần thiết, Bên A có quyền thay đổi thiết kế phù hợp với tình hình thực tế và ý tưởng của Bên A.
- 9.2. Tạm ngừng thanh toán trong trường hợp Bên A có căn cứ cho rằng Bên B vi phạm hợp đồng, vi phạm quy định của pháp luật cho đến khi các sự cố, vi phạm được khắc phục.
- 9.3. Nếu Bên A xét thấy trong phạm vi của mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ Điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến Hợp đồng. Bên A có thể khấu trừ số tiền này vào giá trị thanh toán, quyết toán Hợp đồng.
- 9.4. Sử dụng Sản phẩm bàn giao và Sản phẩm hoàn thành của Bên B theo Hợp đồng này.
- 9.5. Không nghiệm thu sản phẩm không đạt yêu cầu chất lượng do Bên B thực hiện.
- 9.6. Yêu cầu Bên B sửa đổi, bổ sung thiết kế cho phù hợp với mục đích và nhu cầu sử dụng.
- 9.7. Nhắc nhở, tạm ngưng Hợp đồng để Bên B khắc phục sự cố, sai sót, vi phạm Hợp đồng.
- 9.8. Cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết của Dự án liên quan đến việc thực hiện Dịch vụ mà Bên A có thể cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Bên B.
- 9.9. Tạo điều kiện cho Bên B, nhân viên và người do Bên B chỉ định, tùy từng trường hợp, được tự do ra vào khu vực thực hiện Dự án hoặc các địa điểm cần thiết trên cơ sở Bên A cho phép bằng văn bản nhằm mục đích phục vụ cho việc thực hiện các Dịch vụ.
- 9.10. Thanh toán cho Bên B theo đúng tiến độ được quy định tại Tài liệu số 03 của Hợp đồng.
- 9.11. Yêu cầu Bên B thực hiện đúng cam kết theo nội dung Hợp đồng
- 9.12. Kiểm tra, giám sát, yêu cầu Bên B thực hiện đúng các quy định về thi công, hoặc yêu cầu Bên B giải trình các vấn đề về kỹ thuật trước khi thi công, tiếp nhận thông tin từ Bên B, phối hợp với Bên B xử lý các vấn đề phát sinh vướng mắc trong quá trình thi công; trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, điều phối hoạt động của Bên B với các nhà thầu phụ khác của Bên A trên Công trường
- 9.13. Được quyền vào các nơi trên Công trường và các nơi khai thác, tập kết, gia công nguyên vật liệu phục vụ thi công của Bên B để kiểm tra chất lượng
- 9.14. Từ chối nghiệm thu, xác nhận hoặc đề nghị không thanh toán đối với phần công

- việc đã hoàn thành nhưng không đảm bảo khối lượng, chất lượng, yêu cầu kỹ thuật hoặc việc Bên B khắc phục các vi phạm chưa thỏa đáng
- 9.15. Đình chỉ thi công khi phát hiện thấy Bên B thi công không đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật, không đúng biện pháp thi công đã được phê duyệt, thi công không đảm bảo chất lượng, hoặc có thể gây mất an toàn lao động
- 9.16. Bên A có quyền thuê một đơn vị độc lập tiến hành kiểm tra, kiểm định công việc của Bên B khi cần thiết; (i) nếu đơn vị đó xác định Bên B có lỗi thì Bên B phải chịu mọi chi phí khắc phục vi phạm, chi phí thuê đơn vị kiểm tra, kiểm định và chịu các trách nhiệm khác quy định trong Hợp đồng này; (ii) nếu kết quả kiểm định đúng với các yêu cầu trong nội dung Hợp đồng này thì các chi phí kiểm tra, kiểm định do Bên A chi trả
- 9.17. Bằng văn bản thông báo cho Bên B, Bên A có quyền ủy quyền, chỉ định, giao cho bất kỳ Bên thứ ba nào có đủ năng lực theo quy định của pháp luật để thực hiện một phần hoặc toàn bộ các quyền của Bên A theo quy định của Hợp đồng này và Bên B có nghĩa vụ tuân thủ sự ủy quyền, chỉ định, giao đó của Bên A
- 9.18. Trong trường hợp Bên B có nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Bên A theo quy định của Hợp đồng này, Bên A có quyền khấu trừ bất kỳ khoản tiền phải trả nào đó của Bên A từ các khoản thanh toán đến hạn của Bên B và/hoặc yêu cầu thanh toán trực tiếp cho Bên A và/hoặc áp dụng bất kỳ hình thức nào khác do Bên A quyết định
- 9.19. Không nghiệm thu các phần việc không đạt yêu cầu kỹ thuật, chất lượng hoặc sai quy cách, ... yêu cầu Bên B xuất trình nguồn gốc, chứng chỉ của nhà sản xuất các vật tư, thiết bị trước khi đưa vật tư, thiết bị đó vào thi công hoặc trước khi đưa vào sử dụng
- 9.20. Chấm dứt Hợp đồng với Bên B và yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại phát sinh khi phát hiện thấy trong quá trình thi công Bên B không có đủ năng lực thi công, thường xuyên không đảm bảo chất lượng, chậm tiến độ, gây hậu quả nghiêm trọng về an toàn lao động cho người và thiết bị tại công trình
- 9.21. Yêu cầu Bên B thay thế bất cứ nhân lực nào của Bên B đang thực hiện các công việc theo Hợp đồng này, kể cả đại diện của Bên B sau khi Bên A cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết để nhận thấy những nhân lực đó có thái độ sai trái, thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng hoặc vi phạm nội quy tại Công trường; có hành vi gây phương hại đến an toàn Công trường, sức khỏe con người hoặc môi trường. Khi đó, Bên B

sẽ chỉ định (hoặc buộc phải chỉ định) một người khác thích hợp để thay thế ngay lập tức khi nhận được Thông báo của Bên A. Nếu người thay thế là Chỉ huy trưởng Công trường/Chỉ huy phó Công trường thì phải được sự đồng ý của Bên A bằng văn bản

- 9.22. Yêu cầu Bên B thay đổi bất kỳ máy móc, thiết bị nào nếu máy móc, thiết bị đó không đủ điều kiện vận hành theo quy định pháp luật hoặc không đảm bảo công suất, chất lượng, vận hành không ổn định, thường xuyên hư hỏng, gây ảnh hưởng đến tiến độ. Trong trường hợp này, Bên B sẽ thay đổi ngay lập tức máy móc, thiết bị theo yêu cầu của Bên A để đảm bảo tiến độ thi công Công trình
- 9.23. Bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công xây dựng kèm theo nguồn điện, nước cho Bên B để thực hiện các công việc theo Hợp đồng
- 9.24. Phê duyệt đề cương, tiến độ thi công, biện pháp thi công do Bên B lập trước khi triển khai thi công trong 03 (ba) ngày theo quy định của Hợp đồng này
- 9.25. Cử và thông báo bằng văn bản cho Bên B về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện Hợp đồng
- 9.26. Phê duyệt kịp thời hồ sơ nghiệm thu, thanh toán và các đề xuất hợp lý của Bên B. Thanh toán cho Bên B theo tiến độ thanh toán trong Hợp đồng
- 9.27. Xác nhận công việc hoàn thành do Bên B thực hiện, ký nghiệm thu theo thẩm quyền
- 9.28. Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan theo thoả thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan để Bên B có căn cứ triển khai thực hiện công việc
- 9.29. Xem xét, chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất hợp lệ liên quan đến thiết kế, thi công của Bên B tối đa 05 (năm) ngày trong quá trình thi công xây dựng Công trình
- 9.30. Cung cấp cho Bên B toàn bộ các số liệu liên quan mà Bên A có về điều kiện địa chất, địa chất thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về Công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến Hợp đồng
- 9.31. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác đã quy định trong các điều khoản khác của Hợp đồng, Bên B còn có quyền và nghĩa vụ như sau:

- 10.1. Nhận các khoản thanh toán từ Bên A cho các khối lượng công việc hoàn thành và được Bên A nghiệm thu theo quy định tại Hợp đồng này;

- 10.2. Tiếp cận Công trường để thực hiện các công việc theo Hợp đồng sau khi được Bên A cho phép
- 10.3. Thay đổi biện pháp thi công sau khi được Bên A chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá Hợp đồng đã ký kết
- 10.4. Nhận bàn giao mặt bằng thi công từ Bên A, trường hợp Bên B không nhận được mặt bằng thi công do sự chậm trễ của Bên A mà ảnh hưởng đến tiến độ thi công thì Bên B sẽ được gia hạn tiến độ thi công tương ứng với thời gian chậm trễ do lỗi của Bên A gây ra. Nếu do sai sót hoặc sự chậm trễ của Bên B thì Bên B sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian này
- 10.5. Tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật, quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước và của ngành, yêu cầu của Bên A trong quá trình cung cấp dịch vụ nhằm đảm bảo hiệu quả và kinh tế cho Bên A.
- 10.6. Đăng ký, kê khai và thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế quy định đối với các khoản thanh toán mà Bên B nhận được theo Hợp đồng.
- 10.7. Thực hiện và chịu trách nhiệm về mọi mặt trước pháp luật đối với các Sản phẩm bàn giao và Sản phẩm hoàn thành theo Hợp đồng.
- 10.8. Bố trí nhân lực, chuyên gia, kiến trúc sư, kỹ sư và các nhà chuyên môn có đủ điều kiện năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu của pháp luật và yêu cầu của Dự án.
- 10.9. Thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến quá trình thực hiện Hợp đồng cho Bên A.
- 10.10. Tham dự tất cả các buổi họp với đơn vị tư vấn thẩm tra và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thẩm tra, phê duyệt Hồ sơ thiết kế khi nhận được thông báo của Bên A.
- 10.11. Hoàn thành Dịch vụ đúng tiến độ và giao nộp các Sản phẩm hoàn thành cho Bên A theo quy định của Hợp đồng này.
- 10.12. Tất cả các Sản phẩm bàn giao cho Bên A phải phù hợp với Hợp đồng, phù hợp các quy định của Nhà nước, có đủ căn cứ pháp lý và được Bên A nghiệm thu. Thực hiện công việc được quy định trong Hợp đồng với tất cả kỹ năng, kinh nghiệm chuyên môn của mình để đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật và đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Bên A. Trường hợp Hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt nhưng nếu có ý kiến đóng góp từ Bên A hoặc Bên thứ ba đảm bảo hoàn thiện hơn cho Hồ sơ thiết kế thì Bên B chịu trách nhiệm điều chỉnh cho

phù hợp.

- 10.13. Cung cấp cho Bên A chứng chỉ năng lực của Bên B, hồ sơ năng lực, bằng cấp chứng chỉ của các nhân sự thực hiện Dịch vụ của Hợp đồng này. Trường hợp Bên B không có đủ năng lực để thực hiện Hợp đồng phù hợp với cấp công trình được xác định theo quy định của pháp luật thì Bên B có trách nhiệm liên danh với nhà thầu khác để đảm bảo đủ điều kiện năng lực thực hiện Hợp đồng này. Nếu Bên B không đảm bảo năng lực thực hiện Hợp đồng (bao gồm cả việc liên danh với nhà thầu khác) dẫn đến sản phẩm tư vấn không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định, thẩm duyệt, chấp nhận thì Bên A có quyền thu hồi toàn bộ số tiền Bên A đã thanh toán cho Bên B và có quyền sử dụng toàn bộ sản phẩm Bên B đã thực hiện mà không phải trả bất kỳ chi phí gì. Ngoài ra, Bên B còn bị phạt vi phạm với số tiền tương đương 12% giá trị Hợp đồng.
- 10.14. Bảo vệ, giải trình các tài liệu, Hồ sơ thiết kế do Bên B thực hiện trước các cơ quan, hội đồng nghiệm thu của các cấp có thẩm quyền theo yêu cầu của Bên A.
- 10.15. Chỉnh sửa hoặc điều chỉnh hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền/Bên thứ ba thẩm định để phê duyệt hoặc chấp thuận.
- 10.16. Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán cho Bên B theo đúng tiến độ được quy định tại Tài liệu số 03 của Hợp đồng.
- 10.17. Phối hợp với đơn vị tư vấn thiết kế khác của Bên A (nếu có) để đảm bảo Sản phẩm bàn giao, Sản phẩm hoàn thành của Bên B đã khớp nối các bộ môn với các nhà thầu này.
- 10.18. Đảm bảo Sản phẩm hoàn thành theo Hợp đồng không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân, tổ chức nào.
- 10.19. Cam kết số liệu báo cáo phản ánh đúng điều kiện địa chất tại địa điểm thực hiện khảo sát, không sử dụng số liệu và kết quả khảo sát tại địa điểm khác để cung cấp cho Bên A.
- 10.20. Bên B, nhân sự của Bên B cam kết sẽ thực hiện Hợp đồng và tiến hành các nghĩa vụ của mình với tất cả kỹ năng, kinh nghiệm chuyên môn của mình, đảm bảo Sản phẩm hoàn thành có chất lượng tốt nhất, đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Bên A.
- 10.21. Bồi thường thiệt hại do lỗi của Bên B (bao gồm và không hạn chế lỗi do nhân viên của Bên B) gây ra trong quá trình thực hiện công việc.
- 10.22. Đảm bảo độ chính xác, tin cậy của các máy móc, thiết bị sử dụng để thực hiện và hoàn thành công việc, đối với các thiết bị có yêu cầu kiểm định/hiệu chuẩn

Bên B phải cung cấp cho Bên A chứng chỉ kiểm định/hiệu chuẩn (còn hiệu lực) của các máy móc, thiết bị này.

- 10.23. Thực hiện đúng các quy định về an toàn lao động, chịu hoàn toàn trách nhiệm an toàn lao động cho người, thiết bị máy móc trong quá trình thực hiện công việc; Đảm bảo trật tự an ninh và vệ sinh môi trường tại hiện trường.
- 10.24. Thanh toán chi phí điện, nước cho Bên A theo khối lượng sử dụng thực tế (nếu có).
- 10.25. Thực hiện và bàn giao Sản phẩm hoàn thành cho Bên A đúng tiến độ.
- 10.26. Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm nào (kể cả ngày nghỉ) theo yêu cầu của Bên A cho tới ngày bàn giao Sản phẩm hoàn thành cho Bên A.
- 10.27. Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.
- 10.28. Bên B phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi mặt bằng công trường và khu vực bổ sung mà Bên B có và được Bên A đồng ý là nơi làm việc. Bên B phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Bên B và nhân lực của Bên B chỉ hoạt động trong phạm vi này và không lấn sang khu vực lân cận.
- 10.29. Trong thời gian thực hiện công việc, Bên B phải giữ cho mặt bằng công trường không có các cản trở không cần thiết và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Bên B phải dọn sạch vật tư, thiết bị, rác thải và dỡ bỏ công trình tạm của Bên B (nếu có) ra khỏi công trường khi không còn nhu cầu sử dụng hoặc theo yêu cầu của Bên A vào bất kỳ thời điểm nào.
- 10.30. Trường hợp bất kỳ vật tư, thiết bị nào không được dọn khỏi công trường theo quy định của Hợp đồng, Bên A có thể bán hoặc thải bỏ những vật tư, thiết bị này của Bên B, số tiền thu được từ việc bán vật tư thiết bị sẽ trả cho Bên B sau khi đã khấu trừ các chi phí phát sinh của Bên A.
- 10.31. Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Bên A trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Nếu trong khoảng thời gian này Bên B không có ý kiến thì coi như Bên B đã chấp nhận ý kiến của Bên A.
- 10.32. Thi công xây dựng Công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn của Dự án, quy chuẩn được phê duyệt, thực hiện quản lý chất lượng thi công Công trình theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và tuân thủ mọi quy định của pháp luật hiện hành.
- 10.33. Khảo sát, nghiên cứu kỹ hiện trường, mặt bằng thi công, các khu vực lân cận để

đảm bảo an toàn, tránh gây thiệt hại trong thi công, tự chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm nếu có lỗi trong việc kiểm tra này làm phát sinh thiệt hại.

- 10.34. Phải ghi nhật ký công trình thường xuyên, liên tục, đầy đủ và chính xác và nộp nhật ký Công trình cho Bên A để quyết toán Công trình.
- 10.35. Lưu trữ đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.
- 10.36. Hoàn thiện và nộp hồ sơ hoàn công cho Bên A chậm nhất trong vòng 21 (hai mươi một) ngày kể từ ngày hoàn thành thi công để phục vụ việc nghiệm thu hoàn thành Công trình.
- 10.37. Lập biện pháp tổ chức thi công, hồ sơ thanh toán, hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán, thí nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Hợp đồng và pháp luật hiện hành.
- 10.38. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường mọi thiệt hại nếu để vật liệu rơi vãi dẫn tới Bên A bị phạt, bị yêu cầu bồi thường hoặc gây mất an toàn về người, tài sản cho Bên B, Bên A hoặc bất kỳ Bên thứ ba nào.
- 10.39. Trong quá trình thi công nếu Bên B gây bất kỳ thiệt hại nào khác đối với công trình lân cận hoặc bất kỳ Bên thứ ba nào do lỗi của Bên B, thì Bên B bằng chi phí của mình phải bồi thường mọi thiệt hại và giải quyết các vướng mắc, tranh chấp phát sinh từ nguyên nhân này. Bên A được miễn trừ mọi trách nhiệm và hậu quả pháp lý xuất phát từ lỗi của Bên B.
- 10.40. Có biện pháp che, chắn xử lý thích hợp đảm bảo các vật liệu không bị rơi vãi gây mất an toàn và ô nhiễm trên công trường.
- 10.41. Chấp hành sự giám sát của Bên A và Tư vấn giám sát, cung cấp đầy đủ và nhanh chóng tất cả các văn bản pháp lý liên quan đến việc thi công Công trình thuộc trách nhiệm của Bên B. Tất cả các vật tư, vật liệu, máy móc thiết bị thi công ra, vào Công trường phải khai báo với Bên A và phải được Bên A chấp nhận mới được đem vào sử dụng hoặc đem ra khỏi Công trường.
- 10.42. Không được tự ý ngừng thi công mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A (trừ trường hợp việc ngừng thi công đó nằm trong tiến độ thi công đã được Bên A phê duyệt và trường hợp Bên A chậm thanh toán theo nội dung của Hợp đồng này).
- 10.43. Phối hợp và tạo điều kiện tối đa về thi công thuận lợi, về phương tiện vận chuyển, về mặt bằng thi công ... và các điều kiện khác cho các Nhà thầu khác do Bên A thuê (nếu có) để cùng hoàn thành công việc.

- 10.44. Chịu trách nhiệm tự liên hệ với các cơ quan chức năng có liên quan đến công tác thi công của Bên B để đảm bảo điều kiện thực hiện thuận lợi công việc thi công Công trình.
- 10.45. Bên B có các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định trong Hợp đồng này và quy định pháp luật.

Điều 11. Nhà thầu phụ

11.1. Nguyên tắc chung

- 11.1.1. Bên B không được ký giao lại toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng cho nhà thầu phụ để thực hiện Hợp đồng nếu chưa được Bên A đồng ý trước bằng văn bản.
- 11.1.2. Bên B phải chịu trách nhiệm về những hoạt động hoặc sai sót của bất kỳ nhà thầu phụ nào cũng như các đại lý và nhân viên của họ như là các hoạt động hoặc sai sót này là của chính Bên B.
- 11.1.3. Mỗi hợp đồng mà Bên B ký kết với nhà thầu phụ phải có đầy đủ các quy định để Bên A có quyền yêu cầu nhà thầu phụ thực hiện các điều khoản trong Hợp đồng chính mà Bên B bắt buộc phải thực hiện.

11.2. Cách thức sử dụng Nhà thầu phụ

- 11.2.1. Đối với các nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo Hợp đồng thì phải được Bên A chấp thuận trước bằng văn bản. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc sau khi Bên B đệ trình danh sách nhà thầu phụ bổ sung (khi đệ trình danh sách nhà thầu phụ, Bên B phải gửi kèm hồ sơ năng lực, phạm vi công việc, tiến độ thực hiện, bằng cấp, chứng chỉ hành nghề của các cá nhân, chứng chỉ năng lực hoạt động của các nhà thầu phụ này), Bên A sẽ xem xét và phê duyệt danh sách này. Sau thời gian đó, nếu Bên A không có bất kỳ phản hồi nào, Bên B sẽ xem như Bên A đã chấp thuận danh sách mà Bên B đệ trình.
- 11.2.2. Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về tiến độ, chất lượng và các sai sót do các nhà thầu phụ thực hiện theo quy định tại Hợp đồng này.

11.3. Nhà thầu phụ do Bên A chỉ định (nếu có)

Nhà thầu phụ này được Bên A chỉ định cho Bên B thuê làm nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành theo yêu cầu của Bên A hoặc khi Bên B không đáp ứng được tiến độ thực hiện Hợp đồng sau khi Bên A đã yêu cầu.

Điều 12. Giám sát tác giả

Bên B phải cử người có đủ năng lực để thực hiện việc giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng Công trình, cụ thể như sau:

- 12.1. Giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế khi có yêu cầu của Bên A, nhà thầu thi

công xây dựng, nhà thầu giám sát thi công xây dựng;

- 12.2. Phối hợp với Bên A khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, phát sinh về thiết kế trong quá trình thi công. Điều chỉnh thiết kế phù hợp với thực tế thi công xây dựng công trình và yêu cầu của Bên A;
- 12.3. Khi phát hiện nhà thầu thi công thực hiện công việc không đúng với thiết kế phải kịp thời thông báo cho Bên A để có biện pháp xử lý kịp thời;
- 12.4. Tham gia nghiệm thu Công trình, hạng mục công trình khi có yêu cầu của Bên A, trường hợp công trình hoặc hạng mục công trình không đủ điều kiện nghiệm thu thì phải có văn bản thông báo kịp thời cho Bên A;
- 12.5. Trường hợp các bản vẽ triển khai (shop drawing) của nhà thầu thi công có sự sai khác và/hoặc có sự thay đổi, điều chỉnh so với bản vẽ thiết kế đã được Bên A phê duyệt thì Bên B có trách nhiệm điều chỉnh bản vẽ thiết kế cho phù hợp với thực tế thi công.

Điều 13. Bản quyền, bảo hiểm và bảo hành công trình

- 13.1. Bên B giữ quyền tác giả đối với các Sản phẩm hoàn thành do Bên B (hoặc đại diện Bên B) thực hiện cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này. Trên cơ sở Bên A đã thanh toán cho Bên B tại từng thời điểm, Bên A được phép chuyển nhượng vô thời hạn, sử dụng, sao chép, và điều chỉnh nhằm mục đích phục vụ cho Dự án và các công việc của Bên A mà không cần phải thông báo hay yêu cầu chấp thuận từ Bên B. Tuy nhiên, ngay cả khi Bên B không chấp thuận bằng văn bản, thì sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho từng phần công việc tương ứng hoặc cho toàn bộ phạm vi Dịch vụ, Bên A sẽ có đầy đủ các quyền với tư cách là chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật.
- 13.2. Bên B cam kết tất cả các hồ sơ, báo cáo và các hoạt động phục vụ cho việc thực hiện và hoàn thành công việc của Hợp đồng này không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân, tổ chức hoặc bên thứ ba nào.
- 13.3. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả pháp lý từ việc khiếu nại rằng bất cứ hồ sơ, báo cáo hoặc hoạt động nào khác của Bên B theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ bất kỳ cá nhân, tổ chức hoặc Bên thứ ba nào.
- 13.4. Nếu Bên B vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ dẫn đến việc Bên A bị ảnh hưởng hoặc bị thiệt hại bởi nguyên nhân này, Bên B sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A. Đồng thời Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên B và Bên B phải chịu phạt vi phạm với mức 12% giá trị của Hợp

đồng.

- 13.5.** Bên B phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, công trình tạm, nhân lực của Bên B, bảo hiểm đối với Bên thứ ba của Bên B (bao gồm cả người). Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày Hợp đồng này được ký kết, Bên B có nghĩa vụ cung cấp cho Bên A các tài liệu cần thiết để chứng minh Bên B đã hoàn thành các nghĩa vụ này, bao gồm nhưng không giới hạn: bản sao chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của giấy chứng nhận bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm;
- 13.6.** Bên B có trách nhiệm mua bảo hiểm mọi rủi ro công trình xây dựng (CAR) cho công trình và bảo hiểm đối với Bên thứ ba (bao gồm cả người, tài sản của công trình lân cận). Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên thứ ba các trường hợp bảo hiểm không bồi thường hoặc dưới mức miễn bồi thường quy định trong Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro công trình xây dựng mà Bên A đã mua;
- 13.7.** Bên B có trách nhiệm bảo hành Công trình cho hạng mục khoan phụ thí nghiệm thử và khoan phụt thử 03 căn trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Công trình thi công hoàn thành được nghiệm thu bàn giao;
- Phương thức bảo đảm nghĩa vụ bảo hành: Giữ tiền mặt 10% giá trị Quyết toán cho hạng mục khoan phụ thí nghiệm thử và khoan phụt thử 03 căn trong thời hạn bảo hành. Để cho rõ ràng, trước khi hết hạn bảo hành 15 ngày, Bên B có trách nhiệm liên hệ với Bên A để thực hiện các công việc kiểm tra, xác nhận và nghiệm thu các công việc bảo hành mà Bên B đã thực hiện. Trong trường hợp phát sinh nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải thực hiện sửa chữa theo quy định tại Hợp đồng này cho đến khi hoàn tất việc sửa chữa và có văn bản xác nhận của Bên A về việc Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.
- Sau khi Bên B hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ bảo hành, được xác nhận của Bên A thì Bên A thanh toán toàn bộ giá trị giữ lại để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành cho Bên B.
- 13.8.** Trong thời gian bảo hành Công trình, Bên B phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thi công Công trình bằng chi phí của Bên B. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 03 (ba) ngày sau khi nhận được thông báo của Bên A về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Bên B không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên A có quyền thuê một nhà thầu khác (Bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho Bên thứ ba sẽ do Bên B chịu

và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Bên B. Bên A sẽ thông báo cho Bên B giá trị trên, Bên B buộc phải chấp thuận giá trị này. Trường hợp số tiền bảo hành của Bên B không đủ để thực hiện sửa chữa thì Bên A sẽ trả trước cho Bên thứ ba và Bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán lại toàn bộ chi phí sửa chữa cho Bên A trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên A thông báo bằng văn bản.

- 13.9. Trong trường hợp phát sinh thiệt hại cho Bên A hoặc bất kỳ chủ thể nào do lỗi chậm trễ bảo hành hoặc trong quá trình thực hiện bảo hành của Bên B, Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ các thiệt hại này.

Điều 14. Bảo mật và trao đổi thông tin

- 14.1. Bên B cam kết luôn tuân thủ các yêu cầu về bảo mật quy định tại Hợp đồng này.
- 14.2. Các thông tin cần bảo mật: tất cả các tài liệu, văn bản và thông tin trao đổi giữa các Bên liên quan đến việc triển khai Dịch vụ quy định trong Hợp đồng phải được giữ kín không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên kia, trừ trường hợp phải tiết lộ thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam theo quy định pháp luật.
- 14.3. Các Bên phải chịu trách nhiệm về tính chân thực và chịu trách nhiệm về mặt pháp lý của các tài liệu, văn bản và thông tin tiết lộ cho bên thứ ba. Bên tiết lộ thông tin gây thiệt hại cho các Bên còn lại phải bồi thường thiệt hại gây ra do việc tiết lộ thông tin này.
- 14.4. Trừ những trường hợp khác được quy định trong Hợp đồng này, tất cả các thông báo, yêu cầu và liên lạc được cho phép theo Hợp đồng này, hoặc bất kỳ vấn đề nào phát sinh và cần thiết để thông báo, sẽ được lập thành văn bản và gửi trực tiếp hoặc bằng thư tín đảm bảo đã thanh toán cước hoặc bằng chuyển phát nhanh hoặc fax đến đúng người nhận và địa chỉ hoặc số fax của Bên nhận như quy định dưới đây hoặc tới địa chỉ hoặc số fax khác mà Bên đó đã thông báo bằng văn bản cho Bên kia theo điều khoản này.
- 14.5. Bất kỳ thông báo, yêu cầu hoặc liên lạc nào sẽ được coi là đã được gửi hợp lệ ngay lập tức (nếu máy fax của bên gửi thông báo đã gửi trong trường hợp chuyển bằng fax), hoặc ngay khi được giao tận tay (nếu chuyển trực tiếp), hoặc trong vòng ba (03) ngày sau khi gửi bưu điện, và để chứng minh điều này, phong bì phải được ghi đầy đủ thông tin, có tem và dấu bưu điện).
- 14.6. Địa chỉ gửi thông báo: Theo thông tin nêu tại phần đầu của Hợp đồng.
- 14.7. Các Bên cam kết các thông tin liên lạc được nêu tại Hợp đồng này này là chính

xác. Mỗi Bên phải thông báo cho Bên kia trong trường hợp: (i) có sự thay đổi, bổ sung bất kỳ thông tin nào; hoặc (ii) bất kỳ thông tin liên lạc nào nói trên không còn sử dụng để liên lạc được nữa, trong trường hợp này Bên thay đổi có nghĩa vụ thông báo cho Bên kia về thông tin liên lạc mới được sử dụng để thay thế cho thông tin liên lạc trước đây.

- 14.8. Bên vi phạm quy định về bảo mật thông tin sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên còn lại và chịu phạt vi phạm Hợp đồng với mức 12% giá trị của Hợp đồng.

Điều 15. Bất khả kháng

- 15.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên như động đất, bão, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc các nguy cơ xảy ra chiến tranh; dịch bệnh và các thảm họa khác chưa lường hết được theo quy định của pháp luật, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

- 15.2. Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do Sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

15.2.1. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý với các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do Sự kiện bất khả kháng gây ra.

15.2.2. Thông báo ngay cho Bên kia về Sự kiện bất khả kháng trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi Sự kiện bất khả kháng xảy ra.

- 15.3. Trong trường hợp xảy ra Sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra Sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

- 15.4. Nếu Sự kiện bất khả kháng xảy ra quá 30 (ba mươi) ngày, Bên A hoặc Bên B có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên kia, trong thông báo nêu rõ ngày dự kiến chấm dứt Hợp đồng. Đại diện của Bên A phải xác định giá trị công việc đã hoàn thành tính đến thời điểm xảy ra Sự kiện bất khả kháng và thanh toán cho Bên B tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được Bên A và/hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nghiệm thu, phê duyệt.

Điều 16. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại

- 16.1. **Phạt do vi phạm tiến độ**

Trong trường hợp Bên B chậm tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không có lý do chính đáng được Bên A chấp thuận, Bên B phải chịu phạt vi phạm bằng 01% giá trị Hợp đồng/01 ngày chậm trễ, tính từ ngày bắt đầu chậm tiến độ.

Mức phạt tối đa không quá 12% tổng giá trị Hợp đồng, vượt quá mức phạt này hoặc chậm tiến độ quá 12 ngày Bên A có quyền:

- 16.1.1. Hoặc Bên A có quyền đơn phương chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng và Bên B chịu phạt khoản tiền bằng 12% giá trị Hợp đồng, đền bù toàn bộ thiệt hại do việc chậm trễ của Bên B gây ra và hoàn trả toàn bộ khoản tiền đã nhận của Bên A sau khi khấu trừ phần giá trị công việc, sản phẩm Bên B thực hiện và đã được Bên A đồng ý nghiệm thu;
- 16.1.2. Hoặc chấp nhận cho Bên B nộp ngay khoản phạt bằng 12% giá trị Hợp đồng và tiếp tục cho Bên B thực hiện dịch vụ theo tiến độ mới được Bên B lập và được Bên A phê duyệt. Nếu Bên B tiếp tục vi phạm tiến độ mới được phê duyệt thì Bên B vẫn tiếp tục bị phạt chậm tiến độ theo Hợp đồng này.

Việc vi phạm tiến độ thuộc đợt thanh toán nào sẽ bị Bên A tạm giữ lại tiền phạt ở đợt thanh toán đó, Đợt thanh toán kế sau nếu Bên B khắc phục được vấn đề chậm tiến độ đến bao nhiêu thì Bên A sẽ thanh toán trả lại số tiền tạm giữ tương ứng. Kết thúc Hợp đồng, hai Bên tính toán lại tiền phạt chậm tiến độ để hoàn thành nghĩa vụ phạt tiến độ với nhau.

16.2. Phạt do vi phạm chất lượng

Trong trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng Sản phẩm bao gồm nhưng không giới hạn bởi các lỗi: thiết kế không đạt tiêu chuẩn, không phù hợp với quy hoạch, các quy chuẩn kỹ thuật và các quy định của pháp luật của Việt Nam, các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của Bên A và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; số liệu tính toán không chính xác, không hợp lý, không đáp ứng nhu cầu quản lý chi phí trong quá trình xây dựng Công trình; Thiết kế các bước (bước trước bước sau) không khớp nhau; Bản vẽ thiết kế các bộ môn không thống nhất và khớp nhau; Bản vẽ thiết kế các bộ môn thiếu chi tiết/không đủ thông tin để triển khai; Số liệu khảo sát, tính toán chưa phù hợp, không chính xác; Thiết kế quá an toàn không đảm bảo lợi ích và hiệu quả kinh tế cho Chủ đầu tư; thi công không đạt chất lượng, không tuân thủ quy trình, quy định, quy chuẩn chuyên ngành... Bên B sẽ phải chịu mức phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng cho mỗi lỗi vi phạm và phải thực hiện chỉnh sửa thiết kế đảm bảo theo tiến độ của Hợp đồng hoặc theo yêu cầu của Bên A. Nếu việc chỉnh sửa lỗi thiết kế

gây ảnh hưởng đến tiến độ của hợp đồng thì Bên B sẽ phải chịu phạt chậm tiến độ theo mục 16.1 của điều khoản này.

16.3. Phạt do Bên B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ, trách nhiệm nào khác ngoài các nội dung trên theo quy định của Hợp đồng

16.3.1. Trường hợp Bên B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ, trách nhiệm nào khác ngoài các nội dung trên theo quy định của Hợp đồng (sử dụng nhân sự không đủ điều kiện chuyên môn, kỹ năng ngành nghề và/hoặc không đúng với danh sách nhân sự đã được Bên A phê duyệt và/hoặc không đáp ứng yêu cầu công việc...), Bên B sẽ phải chịu mức phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng cho mỗi lỗi vi phạm.

16.3.2. Trường hợp Bên B vi phạm từ 03 (ba) lần trở lên, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ khoản bồi thường hoặc xử phạt vi phạm nào.

16.3.3. Trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái thỏa thuận tại Hợp đồng này hoặc không thực hiện dịch vụ sau khi Hợp đồng đã ký thì bị phạt vi phạm bằng 12% giá trị Hợp đồng.

16.4. Phạt do chậm thanh toán

Trong trường hợp một bên nào chậm thanh toán bất kỳ khoản tiền, khoản phạt vi phạm hoặc bồi thường thiệt hại nào quá 30 ngày làm việc mà không có lý do chính đáng được Bên còn lại chấp thuận thì phải chịu phạt vi phạm bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 01 (một) tháng (đồng Việt Nam, trả lãi sau) do Ngân hàng bên có quyền yêu cầu phạt chậm thanh toán mở tài khoản công bố tại thời điểm tính phạt nhân với số tiền và thời gian chậm thanh toán. Thời gian chậm thanh toán tính từ ngày hết thời hạn thanh toán cho tới ngày liền trước ngày thanh toán thực tế.

Nếu Bên B có căn cứ xác định Bên A chậm thanh toán trong một đợt thanh toán, Bên B phải gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán của đợt thanh toán đó. Nội dung thông báo xác định rõ giá trị phải thanh toán, thời hạn thanh toán cuối cùng, thời gian chậm thanh toán và giá trị phạt do chậm thanh toán. Trong trường hợp Bên B không thực hiện việc thông báo này, Bên A sẽ được miễn trừ mọi nghĩa vụ chịu phạt chậm thanh toán được quy định trong Hợp đồng này.

16.5. Bồi thường thiệt hại

Trường hợp Bên B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ, trách nhiệm nào theo quy định của Hợp đồng này, ngoài việc bị áp dụng các hình thức xử lý vi phạm nói trên, trong

trường hợp gây ra thiệt hại cho Bên A, Bên B chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên A theo yêu cầu của Bên A.

- 16.6. Bên A có quyền khấu trừ khoản tiền phạt đối với Bên B từ các khoản thanh toán đến hạn của Bên B hoặc yêu cầu thanh toán trực tiếp cho Bên A hoặc áp dụng bất kỳ hình thức nào khác do Bên A quyết định.
- 16.7. Việc một Bên vi phạm chịu phạt/ bồi thường thiệt hại theo Hợp đồng này không làm giảm trừ hay chấm dứt các nghĩa vụ khác của Bên vi phạm, cũng như không ảnh hưởng tới việc Bên bị vi phạm áp dụng các chế tài, quy định khác của Hợp đồng đối với Bên vi phạm.

Điều 17. Cam kết không hối lộ

- 17.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng người quản lý, nhân viên, đại lý hoặc bất kỳ người nào thuộc/của Bên B trực tiếp hoặc gián tiếp liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A ("**Người Bên B**") sẽ không: (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, quà tặng, trích thưởng hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là "**Hối Lộ**"), cho bất kỳ người quản lý, nhân viên hoặc bất kỳ người nào thuộc Bên A (gọi chung là "**Người Bên A**") hoặc (ii) thông qua thư từ, công cụ, phương tiện hoặc bất kỳ bên thứ ba nào để Hối Lộ Người Bên A nhằm được ưu tiên ký Hợp đồng với Bên A hoặc được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng với Bên A, và/hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

Các hành vi Hối Lộ theo quy định tại điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp đồng với Bên A.

Trường hợp Bên B và/hoặc bất kỳ Người Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo chi tiết sau:

- Số điện: 84 4 7304 6669
- Email: flamingo@flamingogroup.vn

Khi đã thông báo theo quy định này, Bên B sẽ được xem là không vi phạm và sẽ không bị xử lý theo quy định tại Điều này.

- 17.2. Nếu Bên B vi phạm quy định tại Điều này Bên A có quyền, tại bất kỳ thời điểm nào, áp dụng một hoặc đồng thời các biện pháp sau:

- 17.2.1. Hủy kết quả đánh giá lựa chọn Bên B trong trường hợp Bên B ký kết Hợp đồng thông qua việc đấu thầu; và/hoặc Bên B không được tiếp tục tham gia chào thầu cung cấp dịch vụ/hàng hóa/đồ đạc cho các gói thầu khác của Bên A; và/hoặc

- 17.2.2. Hủy bỏ tất cả các phê duyệt, chấp thuận, sự cho phép, lợi ích Bên B có được hoặc sự chấp thuận, thông qua của Bên A đối với những vấn đề về ký kết và thực hiện Hợp đồng mà bị ảnh hưởng bởi hành vi Hối Lộ; và/hoặc
- 17.2.3. Bên B phải chịu phạt một khoản tiền tương đương 12% giá trị Hợp đồng đối với một lần vi phạm. Ngoài ra, Bên A được quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào, Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A mọi thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt Hợp đồng, hoàn trả cho Bên A các khoản tiền mà Bên A đã tạm ứng/thanh toán trước cho Bên B và chịu các chế tài phạt khác quy định tại Hợp đồng như trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt do lỗi vi phạm của Bên B; và/hoặc
- 17.2.4. Chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra nếu hành vi Hối Lộ có dấu hiệu vi phạm Luật Hình Sự.
- 17.3. Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan đến hành vi Hối Lộ của Bên B và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

Điều 18. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng

18.1. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

18.1.1. Tạm ngừng thực hiện Hợp đồng:

- (i) Bên B không thực hiện và/hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ theo Hợp đồng và/hoặc không tuân theo các Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Trước khi tạm ngừng Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản nêu rõ lý do tạm ngừng và thời hạn Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A trong trường hợp tạm ngừng này.
- (ii) Không phụ thuộc vào trường hợp nêu trên, Bên A có thể tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ Dịch vụ bằng cách gửi thông báo cho Bên B trước ít nhất 05 (năm) ngày tính đến ngày dự kiến tạm ngừng Hợp đồng, việc tạm ngừng này sẽ có hiệu lực tại thời điểm theo thông báo của Bên A.

18.1.2. Chấm dứt Hợp đồng:

Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- (i) Bên B không đáp ứng được năng lực theo yêu cầu của Bên A, sản phẩm Hợp đồng sau 03 (ba) lần điều chỉnh vẫn không đáp ứng được yêu cầu của Bên A. Trong trường hợp này Bên A chỉ phải thanh toán cho Bên B những hạng mục công việc đã hoàn thành được Bên A nghiệm thu.

- (ii) Bên B vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng mà không khắc phục được, hoặc khắc phục chậm trễ, không đáp ứng yêu cầu tiến độ và/hoặc chất lượng của Hợp đồng.
- (iii) Bên B thực hiện công việc chậm tiến độ theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.
- (iv) Bên B giao cho thầu phụ toàn bộ hoặc một phần công việc hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự đồng ý của Bên A.
- (v) Bên B bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng.
- (vi) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ.
- (vii) Bên B cố ý trình Bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên A.
- (viii) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 15 của Hợp đồng này.
- (ix) Không phụ thuộc vào trường hợp nói trên, Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi thông báo cho Bên B trước ít nhất 05 (năm) ngày tính đến ngày dự kiến chấm dứt Hợp đồng, việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực tại thời điểm theo thông báo của Bên A.
- (x) Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc khi đó Bên A và các nhà thầu này có thể sử dụng bất kỳ tài liệu nào do Bên B thực hiện trước đây.

18.2. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B

18.2.1. Tạm ngừng thực hiện Hợp đồng:

- (i) Bên B có quyền tạm ngừng Hợp đồng trong trường hợp Bên A chậm thanh toán vượt quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán. Sau khi thông báo cho Bên A trước ít nhất 07 (bảy) ngày tính đến ngày dự kiến tạm ngừng, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) cho đến khi được thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng và Bên B được Bên A xem xét gia hạn tiến độ thực hiện Hợp đồng tương ứng với thời gian chậm thanh toán của Bên A.
- (ii) Sau khi Bên A thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.
- (iii) Nếu Bên B phải chịu sự chậm trễ và/hoặc các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng và/hoặc giảm tỷ lệ công việc theo Mục (i) Khoản 18.2.1 này,

Bên B phải thông báo cho Bên A và có quyền gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng tương ứng với thời gian tạm ngừng/giảm tỷ lệ công việc này.

18.2.2. Chấm dứt Hợp đồng

Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- (i) Không nhận được số tiền được thanh toán sau 45 (bốn lăm) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn thanh toán.
- (ii) Do hậu quả của Sự kiện bất khả kháng theo quy định tại Điều 15 của Hợp đồng này.
- (iii) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ.
- (iv) Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Bên B có trách nhiệm gửi thông báo trước 15 (mười lăm) ngày làm việc cho Bên A để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của Mục (iii) Khoản 18.2.2 Điều này Bên B có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

18.3. Hệ quả việc tạm ngừng hoặc chấm dứt Hợp đồng

Bên tạm ngừng hoặc chấm dứt Hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại về nội dung và lý do tạm ngừng hoặc chấm dứt Hợp đồng theo đúng quy định của Hợp đồng này. Trường hợp không thông báo và/hoặc không tuân theo quy định của Hợp đồng mà một trong hai Bên tự ý tạm ngừng hoặc chấm dứt Hợp đồng thì sẽ chịu phạt vi phạm bằng 12% (mười hai phần trăm) giá trị Hợp đồng và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại (nếu có) do việc tạm ngừng hoặc chấm dứt Hợp đồng gây ra.

18.4. Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày thông báo chấm dứt Hợp đồng có hiệu lực, Bên A và Bên B sẽ thảo luận, xác định giá trị, khối lượng, chất lượng công việc và các hồ sơ, tài liệu mà Bên B đã hoàn thành theo Hợp đồng (xác định giá trị hoàn thành tại thời điểm chấm dứt). Trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc sau khi xác định giá trị hoàn thành tại thời điểm chấm dứt, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền còn lại sau khi trừ đi các khoản đã tạm ứng, thanh toán cho Bên B, các khoản phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại (nếu có) mà Bên B phải thực hiện với Bên A. Ngược lại, nếu số tiền tạm ứng, thanh toán nhiều hơn giá trị các công việc Bên B đã hoàn thành thì Bên B phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Bên A các khoản tiền chênh lệch này trong vòng

05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên A có yêu cầu.

Điều 19. Hiệu lực từng phần

Theo quy định của pháp luật, các Bên thỏa thuận bằng văn bản rằng các điều khoản và các điểm tại điều khoản đã được quy định tại Hợp đồng này đều có giá trị pháp lý riêng và không bị ràng buộc về hiệu lực đối với các điều khoản khác. Trong trường hợp một trong các điều khoản không còn hiệu lực, không còn giá trị pháp lý hoặc không thể thực thi trên cơ sở pháp luật Việt Nam thì hiệu lực, giá trị pháp lý và khả năng thực thi của các điều khoản còn lại quy định trong Hợp Đồng này vẫn nguyên vẹn và không bị ảnh hưởng. Trong trường hợp pháp luật cho phép, các Bên có thể thỏa thuận bằng văn bản từ bỏ bất kỳ quy định nào của pháp luật mà làm cho bất kỳ điều khoản của Hợp đồng này bị cấm hoặc không thể thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 20. Hiệu lực của Hợp đồng

20.1. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 20.1.1. Các Bên đã hoàn thành mọi nghĩa vụ theo Hợp đồng;
- 20.1.2. Do thỏa thuận và thống nhất của hai Bên;
- 20.1.3. Theo quy định của pháp luật;
- 20.1.4. Một Bên đơn phương chấm dứt theo các quy định tại Hợp đồng này.

20.2. Thanh lý Hợp đồng

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ quyết toán hợp lệ hoặc từ ngày Hợp đồng bị chấm dứt theo quy định tại Khoản 20.1 Điều 20, các Bên sẽ lập và ký biên bản thanh lý Hợp đồng.

Nếu Bên B cố tình không thực hiện việc quyết toán Hợp đồng và/hoặc thanh lý Hợp đồng thì Bên B sẽ phải chịu phạt 01% (một phần trăm) giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ. Nếu thời gian chậm trễ trình hồ sơ quyết toán quá 15 ngày thì Bên A có quyền thuê Bên thứ ba thực hiện Hợp đồng và thực hiện quyết toán phần công việc còn lại. Trong trường hợp này, Bên B phải thanh toán cho Bên A chi phí thuê quyết toán, thanh lý Hợp đồng.

Điều 21. Luật và ngôn ngữ sử dụng

- 21.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam
- 21.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 22. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

- 22.1. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên sẽ cố

gắng giải quyết bằng biện pháp thương lượng. Trong trường hợp phát sinh các tranh chấp mà các Bên không đạt được thỏa thuận, thì mỗi Bên có quyền khởi kiện ra toà án nhân dân có thẩm quyền tại Hà Nội để giải quyết theo quy định của pháp luật. Án phí và chi phí thuê luật sư, tư vấn pháp luật của các Bên sẽ do Bên thua kiện chi trả.

- 22.2. Bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản còn lại của Hợp đồng, kể cả điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 23. Điều khoản chung

- 23.1. Trong quá trình thực hiện, hai Bên chủ động thông báo cho nhau các phát sinh, khó khăn, vướng mắc và kịp thời bàn bạc, giải quyết tinh thần hợp tác và tôn trọng. Hai Bên cùng cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và không Bên nào được tự ý làm trái hoặc thay đổi điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng phải được sự thống nhất bằng văn bản của cả hai Bên
- 23.2. Mỗi Bên cam kết rằng có đầy đủ điều kiện và năng lực để ký kết và thực hiện Hợp đồng này.
- 23.3. Hợp đồng là cơ sở pháp lý mà Bên A, Bên B và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện và giải quyết tranh chấp giữa các Bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của Pháp luật có liên quan.
- 23.4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 (sáu) bản gốc có giá trị như nhau, Bên B giữ 02 (hai) bản, Bên A giữ 04 (bốn) bản gốc để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Phương

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Đình Kiên



TÀI LIỆU SỐ 01 - PHẠM VI CÔNG VIỆC GÓI THẦU, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ SẢN PHẨM HỢP ĐỒNG

1. Phạm vi và tiến độ thực hiện:

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện các công việc theo nội dung và tiến độ như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (ngày)	Ghi chú
1	Khảo sát địa chất (khảo sát hiện trường và nội nghiệp)	06 ngày kể từ ngày bắt đầu	
2	Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán phương án chống sạt lở taluy và xử lý chống lún		
	<i>Nộp báo cáo hồ sơ lần 1</i>	10 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ báo cáo khảo sát địa chất	
	<i>Hoàn chỉnh và giao nộp hồ sơ</i>	20 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ báo cáo khảo sát địa chất	
3	Khoan phụt thử nghiệm (vị trí theo chỉ định của Bên A)		
	<i>Thời gian khoan phụt thử</i>	<i>03 ngày kể từ ngày bên A phê duyệt biện pháp thi công cho Bên B</i>	
	<i>Thời gian kết thúc khoan phụt thử đến ngày lấy mẫu thí nghiệm</i>	<i>28 ngày kể từ ngày từ ngày kết thúc khoan phụt thử</i>	
	<i>Thời gian đào lấy mẫu và thí nghiệm (đào bằng máy)</i>	<i>05 ngày kể từ ngày từ ngày lấy mẫu thí nghiệm</i>	
4	Thi công khoan phụt thử chống lún 03 căn dự kiến (F3.9; E1.2; F1.2) hoặc theo chỉ định của Bên A	07 ngày kể từ ngày bên A phê duyệt biện pháp thi công cho Bên B	

Ngày bắt đầu: Ngày bắt đầu thực hiện các công việc theo Hợp đồng này và bắt đầu tính tiến độ là ngày Bên B nhận được Thông báo trúng thầu của Bên A dưới bất cứ hình thức nào

(email; văn bản...).

Trước khi thực hiện Hợp đồng: Các Bên bắt buộc phải lập và ký xác nhận “**Đề cương Khảo sát – Khoan phụt - Nhiệm vụ thiết kế bản vẽ thi công**” làm cơ sở thực hiện, nghiệm thu, đánh giá tiến độ và thanh quyết toán sau này.

Phạm vi công việc gói thầu: Bên A giao và Bên B thực hiện bao gồm:

- a. Khảo sát địa chất (khảo sát hiện trường và nội nghiệp);
 - ✓ Đo vẽ bản đồ địa chất;
 - ✓ Lấy mẫu đất đá thí nghiệm;
 - ✓ Thí nghiệm mẫu đất đá.
 - ✓ Chi tiết công việc theo đề cương do Bên B lập được Bên A phê duyệt.
- b. Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán phương án chống sạt lở taluy và xử lý chống lún;
 - ✓ Thiết kế chống sạt lở cho mái taluy Dương, giải pháp phù hợp với từng điều kiện khu vực, đảm bảo an toàn, tiết kiệm và hiệu quả;
 - ✓ Thiết kế chống sạt lở cho các mái nền đắp, nhà chất tải sát mép mái bờ, có nguy cơ mất an toàn ổn định;
 - ✓ Thiết kế xử lý lún cho các căn biệt thự;
 - ✓ Dự toán thiết kế bản vẽ thi công.
 - ✓ Chi tiết công việc theo nhiệm vụ thiết kế được các Bên thống nhất trước khi thực hiện.
- c. Khoan phụt thử nghiệm (vị trí theo chỉ định của Bên A);
 - ✓ Bao gồm: 04 lỗ khoan phụt, đào hố kiểm tra, lấy mẫu và thí nghiệm
 - ✓ Chi tiết công việc thực hiện theo đề cương và biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A phê duyệt;
- d. Thi công khoan phụt thử chống lún 03 căn dự kiến (F3.9; E1.2; ~~F4.2~~) hoặc theo chỉ định của Bên A
 - ✓ Bao gồm: Khoan phụt 48 lỗ/ 1 căn dọc hai bên hố móng;
 - ✓ Chi tiết công việc thực hiện theo đề cương và biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A phê duyệt;

2. Sản phẩm hoàn thành của Hợp đồng:

2.1. Thành phần hồ sơ Bên B bàn giao cho Bên A:

- a. Khảo sát địa chất (khảo sát hiện trường và nội nghiệp);
 - ✓ Báo cáo khảo sát địa chất: thuyết minh + hình trụ hố khoan + biểu mẫu thí nghiệm + bản đồ đo vẽ địa chất;
 - ✓ Số lượng giao nộp: 07 bộ + USB dữ liệu mềm có chỉnh sửa được;
- b. Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán phương án chống sạt lở taluy và xử lý chống lún;
 - ✓ Thuyết minh thiết kế;

- ✓ Bản vẽ thiết kế;
- ✓ Dự toán thiết kế;
- ✓ Số lượng giao nộp: 07 bộ + USB dữ liệu mềm có chỉnh sửa được;

c. Công tác thi công: Theo quy định về quản lý chất lượng công trình;

2.2. **Hình thức hồ sơ:** Theo quy định hiện hành và theo yêu cầu của Bên A thông qua “**Đề cương Khảo sát – Khoan phụt - Nhiệm vụ thiết kế bản vẽ thi công**” do Bên B lập được Các Bên thống nhất trước khi thực hiện công việc.



TÀI LIỆU SỐ 02 - GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

1. Giá trị Hợp đồng:

Giá trị Hợp đồng sau thuế là: **544.870.000 VNĐ** (bằng chữ: Năm trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn./.).

Chi tiết giá trị Hợp đồng:

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	CHI PHÍ KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT				33.500.000	
1	Đo vẽ bản đồ địa chất	công	25,00	700.000	17.500.000	
2	Lấy mẫu đất đá thí nghiệm	mẫu	20,00	200.000	4.000.000	
3	Thí nghiệm mẫu đất đá	mẫu	20,00	600.000	12.000.000	
II	CHI PHÍ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG- LẬP DỰ TOÁN				222.727.273	
1	Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán phương án chống sạt lở bờ và xử lý chống lún	Gói	1,00	222.727.273	222.727.273	
III	KHOAN PHỤ THỬ NGHIỆM				40.909.091	
1	Khoan phụ thử nghiệm (bao gồm: khoan phụ 04 lỗ, đào hố kiểm tra, lấy mẫu thí nghiệm)	Gói	1,00	40.909.091	40.909.091	Vị trí theo chỉ định của Bên A
IV	THI CÔNG KHOAN PHỤ 3 CĂN (DỰ KIẾN F3.9; E1.2; F1.2 HOẶC THEO CHỈ ĐỊNH CỦA BÊN A)				198.199.749	
1	Công tác khoan phụ (3 căn* 48 lỗ/ 1 căn* 6 m/ 1 căn)	md	864,00	101.586	87.770.304	
2	Xi măng làm vữa khoan phụ (3 căn * 29.030,4 kg/ 1 căn)	kg	87.091,20	1.268	110.429.445	
	TỔNG CỘNG CHƯA VAT				495.336.112	
	THUẾ VAT (10%)				49.533.611	
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ				544.869.724	
	LÀM TRÒN SAU THUẾ				544.870.000	

2. Nội dung giá trị Hợp đồng:

Giá trị Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để Bên B hoàn thành các công việc theo cam kết với Bên A, bao gồm cả lợi nhuận của Bên B và tất cả các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến công việc mà một hoặc các Bên phải chịu theo quy định của luật pháp Việt Nam, bao gồm nhưng không giới hạn các loại thuế, chi phí sau:

- Thuế giá trị gia tăng (VAT);
- Thuế thu nhập của Bên B (nếu có); Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Chi phí chuyên gia, chi phí máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác;
- Chi phí cho tổng thời gian thiết kế cho các nhân sự của Bên B;

- e. Chi phí ăn ở, đi lại của các nhân sự của Bên B; Các chi phí thông tin liên lạc, in ấn, thư tín, công tác chuẩn bị, dịch thuật tài liệu, công tác báo cáo, thuyết minh theo nội dung Dịch vụ;
- f. Phí trình nộp mọi hồ sơ theo yêu cầu của Bên A và quy định của pháp luật Việt Nam;
- g. Chi phí in ấn Hồ sơ thiết kế và các tài liệu trong Sản phẩm bàn giao, chi phí điều chỉnh và in ấn các hồ sơ, tài liệu này do lỗi của Bên B;
- h. Chi phí chuẩn bị các tài liệu giấy sau đây theo hồ sơ vi tính của bản vẽ đã được gửi bằng email cho Bên A:
 - (i) Bản vẽ, quy định, hình chụp để cho Bên A và các nhà tư vấn khác bình luận (nếu có);
 - (ii) Bản vẽ, quy định, hình chụp để phối hợp làm việc với Bên A và các nhà tư vấn khác (nếu có);
- i. Phí dịch vụ cho nhà thầu phụ của Bên B (nếu có), phí quản lý của Bên B;
- j. Các chi phí mua và duy trì các loại bảo hiểm mà Bên B phải mua theo quy định của luật pháp Việt Nam và Hợp đồng này (nếu có);
- k. Các chi phí khác mà Bên B và hoặc nhân sự của Bên B phải nộp theo quy định pháp luật có liên quan (nếu có);
- l. Chi phí vật tư, nhân công, máy móc thiết bị phục vụ việc thi công và bao gồm chi phí quản lý, lợi nhuận, chi phí dự phòng và rủi ro của Bên B;
- m. Chi phí khác có liên quan để Bên B hoàn thành phạm vi công việc theo Hợp đồng.
- n. Giá Hợp đồng chưa bao gồm các chi phí thủ tục pháp lý như Thẩm định PCCC hạ tầng và các chi phí, lệ phí liên quan đến cơ quan quản lý nhà nước theo quy định hiện hành....

3. Thay đổi và điều chỉnh giá trị Hợp đồng

- a. Trừ khi có yêu cầu khác của Bên A, việc phát sinh tăng hoặc giảm giá trị Hợp đồng chỉ được thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - (i) Bên A thay đổi, điều chỉnh nội dung, phạm vi công việc, quy mô dự án;
 - (ii) Phát sinh công việc mới ngoài phạm vi công việc của Hợp đồng;
 - (iii) Bên A muốn giảm khối lượng hoặc hạng mục công việc và có thông báo đến Bên B trước khi Bên B bắt đầu triển khai thực hiện công việc đó;
- b. Các công việc mà trên thực tế Bên B hoàn toàn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ Phạm vi công việc mà các Bên đã thỏa thuận tại Tài liệu số 01 và Bên A có quyền khấu trừ giá trị phần công việc chưa được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ vào tổng giá trị của Hợp đồng;
- c. Bên B thực hiện chậm trễ hoặc chất lượng không đạt tiêu chuẩn của một số hạng mục và Bên A cần thuê một nhà thầu khác thực hiện để đạt tiến độ và chất lượng theo yêu cầu.
- d. Cách thức xác định đơn giá điều chỉnh:

- (i) Đối với khối lượng công việc điều chỉnh đã có đơn giá hợp đồng thì áp dụng đơn giá Hợp đồng đã ký. Đối với khối lượng công việc phát sinh chưa có đơn giá Hợp đồng thì các Bên phải lập Phụ lục Hợp đồng bổ sung, trong đó xác định rõ về khối lượng công việc bổ sung và đơn giá áp dụng trước khi Bên B thực hiện công việc.
- (ii) Trường hợp Bên A cắt giảm khối lượng công việc hoặc hạng mục công việc thuộc Phạm vi công việc phải thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết thì giá trị Hợp đồng phải giảm tương ứng với phần giá trị khối lượng công việc/hạng mục không phải thực hiện.
- (iii) Trong trường hợp quy định tại Mục (v)-a) thì giá trị Hợp đồng phải giảm một khoản tiền được xác định theo đơn giá sau: (i) nếu Bên A thuê nhà thầu khác có đơn giá thấp hơn đơn giá Hợp đồng thì áp dụng đơn giá Hợp đồng; hoặc (ii) nếu đơn giá Bên A thuê nhà thầu khác cao hơn đơn giá Hợp đồng thì áp dụng đơn giá mà Bên A ký Hợp đồng với nhà thầu đó để thực hiện và hoàn thành công việc.



TÀI LIỆU SỐ 03 - TIẾN ĐỘ THANH TOÁN VÀ HỒ SƠ THANH TOÁN

1. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo nội dung và phương thức như sau:

Tiến độ tạm ứng/thanh toán	Giai đoạn	Tỷ lệ %	Hồ sơ thanh toán yêu cầu
Sau khi ký Hợp đồng	Tạm ứng	30%	Sau khi ký Hợp đồng. Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng sau khi nhận được hồ sơ tạm ứng của Bên B gồm: - Giấy đề nghị tạm ứng của Bên B: 01 bản gốc - Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng theo quy định của Hợp đồng
Sau khi Bên B hoàn thành khảo sát, thiết kế, khoan phụt thử nghiệm và khoan phụt thử 03 căn	Quyết toán	60%	Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị hoàn thành quyết toán và khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng Hợp đồng. Hồ sơ quyết toán bao gồm: - Đề nghị thanh toán của Bên B: 01 bản gốc và 06 bản sao; - Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán: 07 bản gốc (theo mẫu Bên A phát hành); - Bảng xác định giá trị hoàn thành quyết toán: 07 bản gốc (theo mẫu Bên A phát hành); - Biên bản bàn giao báo cáo khảo sát địa chất: 01 bản gốc và 06 bản sao - Biên bản bàn giao hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán thiết kế bản vẽ thi công: 01 bản gốc và 06 bản sao; - Biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công về thành phần hồ sơ theo quy định (bao gồm đầy đủ thuyết minh, chỉ dẫn kỹ thuật, hồ sơ thiết kế theo quy định hiện hành....) được Các Bên xác nhận: 07 bản gốc; - Kết quả thí nghiệm theo yêu cầu của Hợp đồng: 01 gốc + 07 bản sao công chứng/chứng thực; - Hồ sơ quản lý lý chất lượng khoan phụt thử nghiệm: 07 bản gốc (theo quy định hiện hành); - Hồ sơ quản lý chất lượng thi công khoan phụt 03 căn: 07 bản gốc (theo quy định hiện hành);

Tiến độ tạm ứng/thanh toán	Giai đoạn	Tỷ lệ %	Hồ sơ thanh toán yêu cầu
			- Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng: 07 bản gốc; - Bản vẽ hoàn công: 07 bộ gốc; - Nhật ký thi công: 01 gốc + 06 bản sao; - Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ: 01 bản gốc và 06 bản sao; - Biên bản thanh lý Hợp đồng: 07 bản gốc; - Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hợp lệ của Bên B (Bản sao có chứng thực); - Hồ sơ năng lực của Bên B, bằng cấp chứng chỉ của các nhân sự thực hiện của Bên B. - Bản sao Hợp đồng bảo hiểm, chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hợp lệ. - Các nội dung khác theo quy định của Hợp đồng.
Sau khi Bên B hoàn thành công tác bảo hành được Bên A xác nhận và Bên B lập hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định được bên A chấp thuận	Bảo hành	10%	- Đề nghị thanh toán: 01 bản gốc và 06 bản sao; - Biên bản xác nhận hoàn thành công tác bảo hành: 07 bản gốc;

2. **Khấu trừ tạm ứng:** Tiền tạm ứng được khấu trừ hết khi Quyết toán
3. Các Bên thống nhất rằng, nếu Bên A nhận thấy hồ sơ tạm ứng hoặc hồ sơ thanh toán của Bên B có nội dung không hợp lý và/hoặc không hợp lệ và/hoặc có sai sót, Bên A có quyền yêu cầu Bên B giải trình, làm rõ và/hoặc chỉnh sửa, bổ sung. Thời gian Bên A yêu cầu và Bên B thực hiện việc giải trình, làm rõ và/hoặc chỉnh sửa, bổ sung đó không được tính vào là thời hạn thanh toán thuộc nghĩa vụ của Bên A.
4. Thời gian tạm ứng: Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên B nộp đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định và được Bên A chấp thuận;
5. Thời gian quyết toán: Sau 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên B nộp đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định và được Bên A chấp thuận;
6. Thời gian thanh toán tiền bảo hành: Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên B lập hoàn chỉnh hồ sơ thanh toán bảo hành hợp lệ theo quy định và được Bên A chấp thuận
7. Đồng tiền tạm ứng, thanh toán: đồng Việt Nam (VND)
8. Hình thức: Bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B theo thông tin như quy định tại Hợp đồng/ hoặc thông tin tài khoản được Bên B cung cấp bằng văn bản và được Bên A chấp thuận (phí chuyển khoản do Bên B chịu).



TÀI LIỆU SỐ 4 - LÝ LỊCH CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT BÊN B

Nhân lực của Bên B thực hiện Hợp đồng này bao gồm:

TT	Họ tên	Chuyên môn	Quốc tịch/ Chứng chỉ hành nghề số	Vai trò trong dự án
1	Phạm Minh Tuấn	Thạc sỹ địa chất công trình	Việt Nam/ Chứng chỉ hành nghề số: KS-04-00403-A	Chủ trì địa chất và xử lý nền móng
2	Trần Hữu Diện	Kỹ sư công trình thủy lợi	Việt Nam/ Chứng chỉ hành nghề số: THX-00093545	Chủ trì thiết kế, lập dự toán
3	Ngô Mạnh Hùng	Thạc sỹ quản lý xây dựng	Việt Nam	Tham gia thiết kế
4	Đoàn Ngọc Quý	Thạc sỹ công trình thủy lợi	Việt Nam	Tham gia thiết kế
5	Trần Doãn Hùng	Thạc sỹ công trình thủy lợi	Việt Nam	Tham gia thiết kế
6	Nguyễn Văn Phóng	Tiến sỹ kỹ thuật địa chất	Việt Nam	Cán bộ kỹ thuật

Các nhân sự này phải đảm bảo thực hiện Dịch vụ trong suốt thời hạn của Hợp đồng (trừ trường hợp có sự chấp thuận thay đổi từ Bên A) và tuân thủ các điều kiện hành nghề theo quy định pháp luật Việt Nam.

Chi tiết lý lịch nhân sự của Bên B như sau:

9. Nhân sự 1:

- Vị trí đảm nhiệm: Chủ trì địa chất và xử lý nền móng
- Họ và tên: Phạm Minh Tuấn
- Số điện thoại: 0903.43.7581
- Ngày sinh: 29/08/1963
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ địa chất công trình
- Ngoại ngữ: Tiếng anh

10. Nhân sự 2:

- Vị trí đảm nhiệm: Chủ trì thiết kế, lập dự toán
- Họ và tên: Trần Hữu Diện
- Số điện thoại: 0911.26.7579
- Ngày sinh: 24-11-1983
- Trình độ học vấn: Kỹ sư công trình thủy lợi
- Ngoại ngữ: Tiếng anh

11. Nhân sự 3:

- Vị trí đảm nhiệm: Tham gia thiết kế
- Họ và tên: Ngô Mạnh Hùng
- Số điện thoại: 0988.992.591

- Ngày sinh: 28-11-1990
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ quản lý xây dựng
- Ngoại ngữ: Tiếng anh

12. Nhân sự 4:

- Vị trí đảm nhiệm: Tham gia thiết kế
- Họ và tên: Đoàn Ngọc Quý
- Số điện thoại: 0974.168.835
- Ngày sinh: 05-6-1988
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ công trình thủy lợi
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

13. Nhân sự 5:

- Vị trí đảm nhiệm: Tham gia thiết kế
- Họ và tên: Trần Doãn Hùng
- Số điện thoại: 0912.429.213
- Ngày sinh: 18-01-1980
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ công trình thủy lợi
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

14. Nhân sự 6:

- Vị trí đảm nhiệm: Cán bộ kỹ thuật
- Họ và tên: Nguyễn Văn Phóng
- Số điện thoại: 091.201.9640
- Ngày sinh: 16-11-1976
- Trình độ học vấn: Tiến sỹ kỹ thuật địa chất
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

